

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KSBT-BTN
V/v tăng cường triển khai
công tác tiêm chủng mở rộng

Quảng Trị, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Trung tâm Y tế các khu vực, đặc khu.

Căn cứ Công văn số 7148/BYT-PB ngày 17/10/2025 của Bộ Y tế về việc tăng cường triển khai công tác tiêm chủng mở rộng; Căn cứ Công văn số 2232/SYT-NVY ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị về việc tăng cường triển khai công tác tiêm chủng mở rộng;

Căn cứ Kế hoạch số 1093/KH-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về triển khai hoạt động kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Kế hoạch số 1956/KH-SYT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị về triển khai hoạt động tiêm vắc xin uốn ván - bạch hầu (Td) trong Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Hiện nay tỷ lệ tiêm chủng của một số vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh còn thấp, có nguy cơ không đạt tiến độ theo kế hoạch năm (**Chi tiết tại Phụ lục đính kèm**). Để đảm bảo đạt mục tiêu theo kế hoạch tiêm chủng mở rộng hàng năm và tăng cường hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch bệnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đề nghị Giám đốc Trung tâm Y tế các khu vực, đặc khu thực hiện một số nội dung sau:

1. Khẩn trương thực hiện kế hoạch tổ chức tiêm chủng thường xuyên và tiêm chủng trường học tại địa phương. Tiếp tục chỉ đạo, giám sát việc tổ chức tiêm chủng thường xuyên tại tuyến xã nhằm nâng cao tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, nhất là tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin có nguy cơ không đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra.

2. Khẩn trương triển khai kế hoạch kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học. Tổ chức triển khai việc tiêm bù càng sớm càng tốt (*ngay trong tháng nếu có thể*) đối với các trường hợp trì hoãn tiêm chủng; rà soát thường xuyên để lọc các đối tượng bị lỡ các mũi tiêm và tiến hành tiêm vét cho tất cả đối tượng thuộc tiêm chủng mở rộng, tránh bỏ sót đối tượng, bảo đảm tiêm chủng đầy đủ, đúng mũi, đủ liều theo quy định của Bộ Y tế, đặc biệt lưu ý đến tỷ lệ uống vắc xin và tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh bại liệt nhằm bảo đảm đủ liều vắc xin chứa thành phần bại liệt theo quy định (do hiện nay, theo thông báo của WHO đã xuất hiện một số ca bệnh bại liệt tại một số quốc gia khu vực Đông Nam Á).

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động người dân đưa trẻ đi tiêm chủng đúng lịch, đủ liều để chủ động phòng bệnh./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (để b/c);
- BsCKII Trần Văn Thịnh – PGĐ SYT (để b/c);
- UBND các xã, phường, đặc khu (để ph/hợp);
- Ban Giám đốc TT;
- Lưu: VT, PCBTN.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**

Đỗ Quốc Tiệp

Phụ lục: I

Kết quả tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh của toàn tỉnh đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Địa phương	Trẻ <1 tuổi	Viêm gan B sơ sinh		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm <24h	Tỷ lệ (%)		
1	Quảng Trị	20.160	12.984	64,5	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: II

Kết quả tiêm vắc xin BCG của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Trẻ <1 tuổi	BCG		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Đakrông	877	844	96,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Ba Đồn	1.207	994	82,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Tuyên Hóa	933	769	82,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Thạch Hãn	325	263	80,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Minh Hóa	876	693	79,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Quảng Trạch	1.278	990	77,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Triệu Phong	1.113	861	77,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Lệ Thủy	1.840	1.417	77,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Đồng Hới	1.443	1.071	74,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Quảng Ninh	1.167	835	71,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Cam Lộ	700	497	71,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Hải Lăng	924	651	70,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Hướng Hoá	1.820	1.245	68,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
14	Bố Trạch	2.453	1.675	68,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
15	Gio Linh	954	650	68,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
16	Vĩnh Linh	970	646	66,6	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
17	Đông Hà	1.280	850	66,4	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.160	14.951	74,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: III

Kết quả tiêm vắc xin DPT-VGB-Hib mũi 3 của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025
(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung
tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Trẻ <1 tuổi	DPT-VGB-Hib mũi 3		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Quảng Ninh	1.167	1.146	98,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Đakrông	877	739	84,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Thạch Hãn	325	269	82,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Tuyên Hóa	933	767	82,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Cam Lộ	700	575	82,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Ba Đồn	1.207	977	80,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Gio Linh	954	770	80,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Đồng Hới	1.443	1.141	79,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Quảng Trạch	1.278	997	78,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Triệu Phong	1.113	852	76,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Đông Hà	1.280	969	75,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Lệ Thủy	1.840	1.389	75,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Hải Lăng	924	691	74,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
14	Vĩnh Linh	970	720	74,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
15	Bố Trạch	2.453	1.782	72,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
16	Hướng Hoá	1.820	1.292	71,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
17	Mình Hóa	876	588	67,1	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.160	15.664	77,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: IV

Kết quả tiêm vắc xin bOPV3 của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Trẻ <1 tuổi	bOPV3		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Đakrông	877	685	78,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Hướng Hoá	1.820	1.301	71,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Tuyên Hóa	933	661	70,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Minh Hóa	876	549	62,7	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
5	Cam Lộ	700	430	61,4	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
6	Triệu Phong	1.113	623	56,0	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
7	Gio Linh	954	533	55,9	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
8	Hải Lăng	924	493	53,4	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
9	Lệ Thủy	1.840	975	51,0	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
10	Quảng Trạch	1.278	667	52,2	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
11	Vĩnh Linh	970	506	52,2	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
12	Quảng Ninh	1.167	604	51,8	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
13	Ba Đồn	1.207	554	45,9	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
14	Thạch Hãn	325	147	45,2	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
15	Bố Trạch	2.453	880	35,9	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
16	Đông Hà	1.280	446	34,8	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
17	Đồng Hới	1.443	428	29,7	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.160	10.482	52,0	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Kết quả triển khai bOPV3 chỉ ghi nhận sử dụng vắc xin trong Chương trình TCMR.

Phụ lục: V

Kết quả tiêm vắc xin IPV2 của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Trẻ <1 tuổi	IPV2		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Quảng Ninh	1.167	1.048	89,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Tuyên Hóa	933	805	86,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Đakrông	877	677	77,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Triệu Phong	1.113	829	74,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Cam Lộ	700	519	74,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Gio Linh	954	704	73,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Thạch Hãn	325	236	72,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Quảng Trị	1.278	920	72,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Đồng Hới	1.443	1.035	71,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Vĩnh Linh	970	692	71,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Hướng Hoá	1.820	1.295	71,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Hải Lăng	924	639	69,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Ba Đồn	1.207	825	68,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
14	Minh Hóa	876	593	67,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
15	Lệ Thủy	1.840	1.237	67,2	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
16	Bố Trạch	2.453	1.599	65,2	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
17	Đông Hà	1.280	787	61,5	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.160	14.440	71,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: VI

Kết quả tiêm vắc xin Rota lần 2 của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Trẻ <1 tuổi	Rota lần 2		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Đồng Hới	1.443	1.163	80,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Tuyên Hóa	933	747	80,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Quảng Trạch	1.278	1.006	78,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Gio Linh	954	749	78,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Cam Lộ	700	545	77,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Thạch Hãn	325	245	75,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Triệu Phong	1.113	828	74,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Hải Lăng	924	680	73,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Vĩnh Linh	970	704	72,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Ba Đồn	1.207	841	69,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Đakrông	877	607	69,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Đông Hà	1.280	885	69,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Bố Trạch	2.453	1.614	65,8	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
14	Lệ Thủy	1.840	1.155	62,8	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
15	Hướng Hoá	1.82	1.100	60,4	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
16	Minh Hóa	876	491	56,1	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
17	Quảng Ninh	1.167	601	51,5	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.160	13.961	69,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: VII

Kết quả tiêm vắc xin Sởi của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Trẻ <1 tuổi	Sởi		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Ba Đồn	1.207	1.027	85,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Gio Linh	954	809	84,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Đakrông	877	705	80,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Hải Lăng	924	736	79,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Tuyên Hóa	933	739	79,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Đồng Hới	1.443	1.138	78,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Triệu Phong	1.113	851	76,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Cam Lộ	700	533	76,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Đông Hà	1.280	971	75,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Thạch Hãn	325	244	75,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Hướng Hoá	1.820	1.354	74,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Quảng Trị	1.278	949	74,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Lệ Thủy	1.840	1.362	74,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
14	Vĩnh Linh	970	711	73,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
15	Quảng Ninh	1.167	849	72,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
16	Bố Trạch	2.453	1.715	69,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
17	Mình Hóa	876	604	69,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
Toàn tỉnh		20.160	15.297	75,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: VIII

Kết quả tiêm vắc xin Sởi-Rubella của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Trẻ 18 tháng	Trẻ <1 tuổi	Sởi-Rubella		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Hướng Hoá	1.873	1.715	91,6	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Thạch Hãn	327	292	89,3	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Đakrông	1.034	896	86,7	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Vĩnh Linh	1.000	856	85,6	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Hải Lăng	919	769	83,7	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Đồng Hới	1.353	1.121	82,9	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Cam Lộ	816	675	82,7	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Triệu Phong	1.151	931	80,9	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Gio Linh	1.060	850	80,2	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Đông Hà	1.255	986	78,6	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Ba Đồn	1.165	903	77,5	71,3	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Quảng Ninh	1.223	794	64,9	71,3	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
13	Lệ Thủy	1.849	1.120	60,6	71,3	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
14	Bố Trạch	2.659	1.583	59,5	71,3	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
15	Quảng Trạch	1.329	773	58,2	71,3	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
16	Tuyên Hóa	957	546	57,1	71,3	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
17	Minh Hóa	851	437	51,4	71,3	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.821	15.247	73,2	73,2	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: IX

Kết quả tiêm vắc xin DPT mũi 4 của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Trẻ 18 tháng	DPT mũi 4		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Quảng Ninh	1.223	1.089	89,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Tuyên Hóa	957	843	88,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Triệu Phong	1.151	983	85,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Đakrông	1.034	834	80,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Lệ Thủy	1.849	1.490	80,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Hướng Hoá	1.873	1.506	80,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Quảng Trạch	1.329	1.06	79,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Cam Lộ	816	650	79,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Hải Lăng	919	731	79,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Bố Trạch	2.659	2.081	78,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Gio Linh	1.06	817	77,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Ba Đồn	1.165	885	76,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Mình Hóa	851	643	75,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
14	Vĩnh Linh	1.000	740	74,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
15	Đồng Hới	1.353	987	72,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
16	Thạch Hãn	327	237	72,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
17	Đông Hà	1.255	816	65,0	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.821	16.392	78,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: X
Kết quả tiêm vắc xin VNNB mũi 2 của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025
(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Số đối tượng	VNNB mũi 2		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Đồng Hới	1.328	1.290	97,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Quảng Trị	1.392	1.319	94,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Quảng Ninh	1.239	1.162	93,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Tuyên Hóa	951	862	90,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Triệu Phong	1.181	1.039	88,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Cam Lộ	762	650	85,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Đakrông	973	813	83,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Bố Trạch	2.640	2.193	83,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Gio Linh	1.016	841	82,8	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Ba Đồn	1.230	997	81,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Mình Hóa	810	654	80,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Hải Lăng	950	756	79,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Hướng Hoá	1.834	1.439	78,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
14	Lệ Thủy	1.883	1.470	78,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
15	Đông Hà	1.280	999	78,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
16	Vĩnh Linh	979	724	74,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
17	Thạch Hãn	326	239	73,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
Toàn tỉnh		20.774	17.447	84,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: XI

Kết quả tiêm vắc xin VNNB mũi 3 của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Số đối tượng	VNNB mũi 3		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Tuyên Hóa	959	870	90,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Quảng Ninh	1.217	1.058	86,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Hương Hoá	1.491	1.296	86,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Triệu Phong	1.181	986	83,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Hải Lăng	874	725	83,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Bố Trạch	2.589	2.120	81,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Gio Linh	1.05	846	80,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Vĩnh Linh	904	718	79,4	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Thạch Hãn	331	261	78,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Đakrông	1.076	846	78,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Cam Lộ	765	599	78,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Đông Hà	1.280	966	75,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Ba Đồn	1.05	772	73,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
14	Lệ Thủy	1.892	1.314	69,5	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
15	Đồng Hới	1.263	874	69,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
16	Quảng Trạch	1.345	897	66,7	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
17	Minh Hóa	741	468	63,2	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		20.008	15.616	78,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: XII

Kết quả tiêm vắc xin Td của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Số đối tượng	Td cho trẻ từ 7 tuổi		Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)	
	Quảng Trị	30.188	1.658	5,49	Các khu vực đang triển khai tiêm chủng cho trẻ trong quý IV/2025

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025

Phụ lục: XIII

Kết quả tiêm VX Uốn ván cho phụ nữ có thai của các khu vực tính đến 9 tháng năm 2025

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-BTN ngày tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị)

TT	Khu vực	Số đối tượng	Uốn ván cho phụ nữ có thai (UV2+)		Chỉ tiêu 9 tháng năm 2025 (%)*	Dự báo khả năng đạt theo KH năm 2025
			Trẻ được tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	Ba Đồn	1.168	900	77,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
2	Thạch Hãn	316	243	76,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
3	Hải Lăng	793	588	74,1	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
4	Gio Linh	923	664	71,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
5	Cam Lộ	588	421	71,6	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
6	Quảng Ninh	1.172	834	71,2	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
7	Đồng Hới	1.416	1.004	70,9	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
8	Vĩnh Linh	850	601	70,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
9	Đakrông	846	595	70,3	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
10	Lệ Thủy	1.832	1.276	69,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
11	Đông Hà	1.18	823	69,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
12	Hướng Hoá	1.579	1.069	67,7	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)
13	Tuyên Hóa	933	614	65,8	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
14	Quảng Trạch	1.28	841	65,7	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
15	Bố Trạch	2.318	1.501	64,8	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
16	Minh Hóa	885	573	64,7	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
17	Triệu Phong	1.031	635	61,6	67,5	Khả năng không đạt (nếu không chỉ đạo quyết liệt)
Toàn tỉnh		19.110	13.182	69,0	67,5	Khả năng đạt (nếu tiếp tục chỉ đạo sát sao)

* Theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế về Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025